

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KHOÁI CHÂU
TỈNH HUNG YÊN

---***---

Bản án số: 15/2019/HSST
Ngày: 12/3/2019

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Hương.
- **Hội thẩm nhân dân:** Bà Đặng Thị Thêm và ông Lê Quang Thế.
- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Vũ Nhật Lệ - Thư ký TA.
- **Đại diện VKSND huyện Khoái Châu:** Ông Nguyễn Hữu Tuấn Anh -

KSV.

Hôm nay ngày 12/3/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Khoái Châu mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 19/2019/HSST ngày 22/02/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/HSST-QĐXX ngày 26/02/2019 đối với bị cáo: **Lê Văn Đ**, sinh năm 1958.

Nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 1/10; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông: Lê Văn S và bà Phạm Thị B; Anh chị em ruột: có 04 người, bị cáo là lớn nhất; Vợ Hoàng Thị L, sinh năm 1960 có 04 người con, lớn sinh năm 1981, nhỏ sinh năm 1993.

Tiền án, tiền sự: Chưa có. Đ bị tạm giữ từ ngày 16/12/2018 đến ngày 19/12/2018 thì được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Lê Công D, sinh năm 1974; Trú tại thôn 3, xã Ô, huyện K, tỉnh Hưng Yên (vắng mặt tại phiên tòa).

- **Những người làm chứng:**

1. Ông Đặng Văn O, sinh năm 1966;
Trú tại thôn N, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên.
 2. Anh Đặng Văn M, sinh năm 1973;
Trú tại thôn 3, xã Ô, huyện K, tỉnh Hưng Yên.
 3. Anh Lê Công D, sinh năm 1974;
Trú tại thôn 3, xã Ô, huyện K, tỉnh Hưng Yên.
 4. Anh Lê Đình C, sinh năm 1977;
Trú tại: Thôn H, xã ĐK, huyện K, tỉnh Hưng Yên.
 5. Anh Trần Văn X, sinh năm 1977;
Trú tại : AT, xã A, huyện K, tỉnh Hưng Yên.
 6. Anh Lê Y, sinh năm 2000.
Trú tại: thôn 2, xã Ô, huyện K, tỉnh Hưng Yên.
- (Tất cả những người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 16/12/2018, Lê Công D sinh năm 1974 và anh Đặng Văn M sinh năm 1973 đều ở thôn 3, xã Ô, huyện K đến quán của Lê Văn Đ ở thôn T, xã A, huyện K để uống bia. Tại đây, Lê Công D đã mua của Đ các số đề: 01, 10, 15, 51, 56, 59, 49, 45 với tổng số tiền là 160.000 đồng. Đ đã bán các số đề trên cho D và ghi các số đề vào một quyển sổ bán hàng. Sau đó có anh Lê Đình C sinh năm 1977 ở thôn H, xã ĐK, huyện K đến quán của Đ để uống bia và khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày thì có Trần Văn X sinh năm 1997 ở thôn AT, xã A và Lê Y sinh năm 2000 ở thôn 2, xã Ô, huyện K cũng đến quán của Đ để uống bia. Tại đây, Đ đã ghi bán cho X các số lô: 03, 30 mỗi số 50 điểm và các số đề: 38, 31, 75, 04, 23, 19 mỗi số 100.000 đồng. Tổng số tiền Đ ghi bán số lô, số đề cho X là 2.900.000 đồng. Đ còn ghi bán cho Lê Y các số lô: 32, 11, 86, 75, 19 mỗi số 20 điểm với tổng số tiền là: 2.300.000 đồng. Khi Đ vừa cầm tiền của X và Y cất vào trong người thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Khoái Châu cùng Công an xã A phát hiện bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ: thu của Đ số tiền 8.015.000 đồng, 01 quyển sổ ghi lô đề, 01 điện thoại di động Nokia màu đen, 01 ví, 01 bút bi mực màu xanh; thu của Trần Văn X 01 cáp lô đề; thu của Lê Y 01 cáp lô đề; thu của D số tiền 590.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng; thu của C số tiền 80.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu trắng đen; thu của Đặng Văn M 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu trắng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu trắng. Hình thức ghi bán số lô, đề của Đ được thể hiện như sau: người chơi mua các số lô, số đề là các con số tự nhiên từ 00 đến 99. Đối với số đề thì số tiền bỏ ra mua là tùy ý, đối với số lô thì quy định là 23.000 đồng/1 điểm lô. Đ ghi các con số đã bán cho người chơi vào một quyển sổ, còn người chơi thì viết các con số mình mua ra một mảnh giấy nhỏ để theo dõi. Khi đến giờ công bố kết quả xổ kiến thiết miền Bắc, mở thưởng trong ngày thì Đ và những người chơi đều căn cứ vào kết quả này để đối chiếu. Nếu trúng số đề tức là số của người đã mua trùng với hai số cuối của giải đặc biệt thì người mua số đề sẽ được gấp 70 lần so với số tiền đã bỏ ra mua. Nếu trúng số lô tức là số của người đã mua trùng với hai số cuối của 1 trong các giải và người đã mua mỗi 1 điểm lô sẽ được nhận lại là 80.000 đồng. Đ trực tiếp sẽ là người thanh toán với người chơi chứ không bán lại cho ai.

Ngày 17/12/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Khoái Châu đã ra Quyết định trưng cầu Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Hưng Yên giám định tài liệu là chữ ký và chữ viết trên 01 quyển sổ ghi số lô, đề thu của Đ, 01 cáp lô đề thu của X, 01 cáp lô đề thu của Lê Y.

Tại bản kết luận giám định số 139/PC09 ngày 18/12/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hưng Yên kết luận: Chữ viết và chữ số trên tờ giấy tại quyền sở trang đầu tiên ghi bảng lô đề thu của Lê Văn Đ ký hiệu A1 so với chữ viết và chữ số trên tờ giấy do Lê Văn Đ tự viết, ký hiệu M1 là do cùng một người viết ra. Chữ viết và chữ số trên tờ giấy trên tờ giấy cấp ghi lô đề thu của Trần Văn X ký hiệu A2 so với chữ viết và chữ số trên tờ giấy do Trần Văn X tự viết, ký hiệu M2 là do cùng một người viết ra. Chữ viết và chữ số trên tờ giấy trên cấp ghi lô đề thu của Lê Y ký hiệu A3 so với chữ viết và chữ số trên tờ giấy do Lê Y tự viết, ký hiệu M3 là do cùng một người viết ra. Quá trình điều tra xác định: Đ mới ghi bán số lô, số đề được 03 ngày. Hai ngày trước đó, Đ có bán số lô, số đề cho một số người chơi nhưng không nhớ đã bán cho ai và được bao nhiêu tiền. Đ không còn tài liệu nào liên quan đến việc bán số lô, số đề này.

Còn ngày 16/12/2018, ngoài việc ghi bán số lô, số đề cho D, X và Y, như nêu ở trên thì Đ còn ghi bán các số lô 27, 72, 33, các số đề 55, 64, 76, 25, 46, 64, 79, 82, 98, 15, 51, 76, số đề đầu 9 và đuôi 9 cho một số người chơi khác nhưng không rõ là ai. Tổng số tiền Đ đã ghi bán số lô, số đề vào ngày 16/12/2018 thu được là 6.641.000 đồng. Cơ quan điều tra xác định Trần Văn X, Lê Y và Lê Công D có hành vi đánh bạc với Đ vào ngày 16/12/2018 nhưng chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự, nên Công an huyện Khoái Châu đã quyết định xử phạt hành chính đối với X, Y, D.

Còn Đặng Văn M và Lê Đình C không tham gia đánh bạc nên không có căn cứ để xử lý. Cơ quan điều tra đã trả lại cho C số tiền 80.000 đồng. Cơ quan điều tra cũng đã trả lại cho Đ, M, D, C 05 chiếc điện thoại và 01 ví do xác định không liên quan đến hành vi phạm tội.

Số tiền đã thu giữ là 8.605.000 đồng, Cơ quan điều tra đã nộp vào tài khoản tạm giữ của Công an huyện Khoái Châu tại Kho bạc Nhà nước huyện Khoái Châu chờ xử lý. Còn 01 bút bi mực màu xanh Cơ quan điều tra đã nhập vào kho vật chứng chờ xử lý sau.

Quá trình điều tra Đ đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên.

Tại bản cáo trạng số: 27/CT-VKSKC, ngày 22 tháng 02 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu đã truy tố: Lê Văn Đ về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của BLHS năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay: Bị cáo Đ đã thành khẩn khai báo nhận tội, thái độ ăn năn hối cải và thừa nhận hành vi đánh bạc dưới hình thức bán số lô, số đề cho Lê Công D, Trần Văn X, Lê Y và một số người khác không rõ tên, địa chỉ để thu lợi từ người chơi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lê Công D và những người làm chứng là ông Đặng Văn O, anh Đặng Văn M, anh Lê Đình C, anh Trần Văn X,

anh Lê Y đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, tuy nhiên trong hồ sơ vụ án họ đã có lời khai, quan điểm rõ ràng, việc vắng mặt họ tại phiên tòa hôm nay không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ vào Điều 292; 293 của BLTTHS năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu giữ nguyên Quyết định truy tố đối với Đ về tội Đánh bạc và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm a, b khoản 1 Điều 47; khoản 1,2,5 Điều 65 của BLHS năm 2015; điểm a, c khoản 2 và khoản 3 Điều 106 của BLTTHS năm 2015; khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo: Lê Văn Đ từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (12/3/2019). Giao bị cáo Đ cho UBND xã A giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung quỹ nhà nước tổng số tiền 6.641.000đ, trong tổng số tiền 8.605.000đ hiện đang có trong tài khoản tạm gửi của Chi cục thi hành dân sự huyện K tại Kho bạc Nhà nước huyện K.

Trả lại cho Lê Văn Đ số tiền 1.534.000đ; Trả lại cho Lê Công D, sinh năm 1974, trú tại thôn 3, xã Ô, huyện K, tỉnh Hưng Yên số tiền 430.000đ. Hiện số tiền nêu trên đang có trong tài khoản tạm gửi của Chi cục thi hành dân sự huyện K tại Kho bạc Nhà nước huyện K.

Lưu tại hồ sơ vụ án 01 quyển sổ ghi lô đề; 02 cặp lô, đề.

Tịch thu cho tiêu hủy 01 bút bi màu xanh.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Khoái Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật, không có ai khiếu

nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thừa nhận bán số lô, số đề cho Lê Công D, Trần Văn X, Lê Y và một số người khác vào ngày 16/12/2018. Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh là Lê Công D và những người làm chứng là ông Đặng Văn O, anh Đặng Văn M, anh Lê Đình C, anh Trần Văn X, anh Lê Y. Do vậy có đủ cơ sở để kết luận:

Trong ngày 16/12/2018, tại quán nhà Lê Văn Đ ở thôn T, xã A, huyện K, Đ đã có hành vi Đánh bạc dưới hình thức ghi bán số lô, số đề cho anh Lê Công D, Trần Văn X, Lê Y và một số người khác không rõ tên địa chỉ với tổng số tiền là 6.641.000 đồng thì bị phát hiện và bị bắt quả tang trước thời điểm xổ kiến thiết miền Bắc công bố giải thưởng để xác định được thua. Do đó bị cáo Đ đã phạm tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 của BLHS năm 2015.

[3] Đối với hành vi của Lê Công D, Trần Văn X, Lê Y xác định: X đã bị xử lý hành chính về hành vi đánh bạc nhưng đã được xóa tiền sự coi như chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, D và Y chưa bị xử lý hành chính về hành vi đánh bạc. Nên căn cứ vào số tiền đánh bạc của D, X và Y thì hành vi của D và Y, X không cấu thành tội Đánh bạc. Vì vậy, Công an huyện Khoái Châu đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với X, D và Y về hành vi đánh bạc là đúng pháp luật.

Bị cáo Đ là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc đánh bạc trái phép dưới hình thức mua bán số lô, số đề được thua bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ tư lợi, vì ham muốn đồ đen bị cáo vẫn thực hiện hành vi đánh bạc của mình. Bị cáo cũng thừa nhận là người trực tiếp thu tiền, ghi số đề, lô và thanh toán tiền trúng thưởng cho người chơi.

[4] Xét hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự an ninh ở địa phương, xâm phạm trật tự an ninh xã hội, làm ảnh hưởng trực tiếp đến điều kiện phát triển kinh tế cũng như cuộc sống hạnh phúc của nhiều gia đình. Đánh bạc là một tệ nạn xã hội, là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác, làm sa sút kinh tế, tha hóa con người, gây nên sự bức xúc, phẫn nộ trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, bị cáo cần bị xử lý nghiêm nhằm mục đích giáo dục và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[5] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

[5.1] **Xét về nhân thân của bị cáo:** Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[5.2] **Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:** Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5.3] **Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:** Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo với thái độ ăn năn hối cải; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Bị cáo có đơn xin cải tạo tại địa phương được chính quyền địa phương xác nhận. Nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS năm 2015.

Sau khi xem xét nhân thân, diễn biến vụ án, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Đ có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 của BLHS năm 2015, có nơi thường trú cụ thể rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và việc cho Đ hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an ninh xã hội nên không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà chỉ cần áp dụng khoản 1, 2, 5 Điều 65 của BLHS năm 2015 và cho bị cáo được hưởng án treo, giao cho chính quyền địa phương và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đảm bảo việc giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện khai báo theo khoản 1 Điều 69 – Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[6] **Về hình phạt bổ sung:**

Xét bị cáo đã hết tuổi lao động nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] **Về vật chứng trong vụ án:** Cơ quan điều tra đã thu giữ được một số vật chứng sau: Thu của Đ số tiền 8.015.000đ, 01 quyển sổ ghi lô đề, 01 điện thoại di động Nokia màu đen, 01 ví, 01 bút bi mực màu xanh; thu của của Trần Văn X 01 cáp lô đề; thu của Lê Y 01 cáp lô đề; thu của D số tiền 590.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng; thu của C số tiền 80.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu trắng đen; thu của Đặng Văn M 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu trắng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu trắng.

Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã xác định 01 điện thoại di động Nokia màu đen, 01 ví, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng; số tiền 80.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu trắng đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu trắng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu trắng không liên quan đến hành vi phạm tội nên đã có quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trao trả cho các chủ sở hữu là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với số tiền đã thu của Đ là 8.015.000đ, trong đó đã xác định được tiền Đ bán số lô, đề là 6.641.000đ, tuy nhiên Đ chưa thu được số tiền 160.000đ của D nên

Đ mới thu lợi được 6.481.000đ, số tiền còn lại 1.534.000đ không liên quan đến hành vi đánh bạc nên trả lại cho Đ.

Đối với số tiền thu của Đ 590.000đ, trong đó xác định được Đ đã mua số đề của Đ là 160.000đ, số tiền còn lại là 430.000đ là tiền thuộc sở hữu hợp pháp của Đ không sử dụng vào mục đích đánh bạc.

Do vậy, cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 6.641.000đ (Trong đó thu của Đ là 6.481.000đ và Thu của D là 160.000đ). Trả lại cho Đ số tiền 1.534.000đ và trả lại cho D số tiền 430.000đ theo quy định tại điểm a,b khoản 1 Điều 47 của BLHS năm 2015 và điểm a khoản 3 Điều 106 của BLTTHS năm 2015.

Đối với 01 quyển sổ ghi lô đề thu của Đ, 01 cặp lô đề thu của X và 01 cặp đề thu của Y là tài liệu chứng cứ chứng minh bị cáo phạm tội nên được lưu tại hồ sơ vụ án.

Đối với 01 bút bi mực màu xanh là vật chứng trong vụ án nhưng không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu cho tiêu hủy theo quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 106 của BLTTHS năm 2015.

[8] **Về án phí:** Bị cáo Lê Văn Đ thuộc đối tượng người cao tuổi, đã có đơn xin miễn nộp phạt và tiền án phí nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] **Về quyền kháng cáo:** Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1,2,5 Điều 65 của BLHS năm 2015; khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn Đ phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn Đ 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (12/3/2019).

Giao bị cáo Đ cho UBND xã A giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện khai báo theo khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Lê Văn Đ.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của BLHS năm 2015; điểm a, c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 của BLTTHS năm 2015.

Tịch thu sung quỹ nhà nước tổng số tiền 6.641.000đ (Sáu triệu sáu trăm bốn mươi một nghìn), trong tổng số tiền 8.605.000đ (Tám triệu sáu trăm linh năm nghìn đồng) hiện đang có trong tài khoản tạm gửi của Chi cục thi hành dân sự huyện K tại Kho bạc Nhà nước huyện K.

Trả lại cho Lê Văn Đ số tiền 1.534.000đ (Một triệu năm trăm ba mươi bốn nghìn); Trả lại cho Lê Công D, sinh năm 1974, trú tại thôn 3, xã Ô, huyện K, tỉnh Hưng Yên số tiền 430.000đ (Bốn trăm ba mươi nghìn đồng).

Hiện số tiền nêu trên đang có trong tài khoản tạm gửi của Chi cục thi hành dân sự huyện K tại Kho bạc Nhà nước huyện K.

Lưu tại hồ sơ vụ án 01 quyển sổ ghi lô đề; 02 cặp lô, đề.

Tịch thu cho tiêu hủy 01 bút bi màu xanh (Tình trạng vật chứng như trong quyết định chuyển vật chứng số 15/QĐ-VKSKC, ngày 22/2/2019 của VKSND huyện Khoái Châu).

Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn nộp toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lê Văn Đ.

Quyền kháng cáo: Căn cứ điều 331; Điều 333 của BLTTHS năm 2015.

Báo cho bị cáo có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/3/2019). Báo cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo phần bản án, quyết định có liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại địa phương nơi thường trú.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Khoái châu;
- Công an huyện Khoái Châu;
- Chi Cục T.H.A dân sự huyện KC;
- Bị cáo, người CQLNV liên quan;
- UBND xã A ;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hương

